TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày 25-02-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà:*Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà La Thị Thu Nga

2. Ông Văn Phú Hiên

-Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Trọng Nhân-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần T-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 330/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 07/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 23/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T1. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q1- Ngân hàng TMCP Q *(Theo Hợp đồng ủy quyền số 129/UQ.MB-MBAMC ngày 13/4/2023).*

Địa chỉ: Số C phường L, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Đức T2, chức vụ: Giám đốc Công ty M ĐNB uỷ quyền tham gia tố tụng lại cho ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1999- Chuyên viên xử lý nợ- Công ty TNHH Q1 và Khai thác tài sản- Ngân hàng TMCP Q *(Theo Văn bản ủy quyền số 759/UQ-MBAMC ngày 22/7/2024).*

Địa chỉ: Lầu C, Tòa nhà N, số I đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, vắng mặt

Trú tại: Ấp C, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22-7-2024; bản tự khai ngày 14-11-2024, ngày 07-01-2025; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14-11-2024, ngày 07-01-2025 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, ông Nguyễn Văn T3 trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay số 15540.22.551.17954904.TD ngày 25/5/2022, bà Nguyễn Thị L có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q- Chi nhánh V số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất 9,6%/năm; mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 11 tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên bà thế chấp diện tích đất 547m^2 thửa đất số 675, tờ bản đồ số 21, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà số CV 873335 ngày 21/8/2020 và được công chứng số 1315, quyển số 01/2022TP/CC- SCC/HĐGD ngày 25/5/2022 tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17191.22.551.17954904.BĐ.

Thực hiện hợp đồng vay bà L không trả gốc, chỉ trả một lãi thì ngưng. Tính đến ngày 25/02/2025, bà còn nợ như sau:

- Nợ gốc là 1.300.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn là 112.183.341 đồng; lãi quá hạn là 46.671.781 đồng.

Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên đại diện Ngân hàng yêu cầu bà L trả nợ gốc và lãi nêu trên; đồng thời, bà tiếp tục trả lãi từ ngày 26/02/2025 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là thửa đất số 675, tờ bản đồ số 21, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà số CV 873335 ngày 21/8/2020 và được công chứng số 1315, quyển số 01/2022TP/CC- SCC/HĐGD ngày 25/5/2022 tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17191.22.551.17954904.BĐ. Nếu số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ thì bà L vẫn tiếp tục trả nợ cho đến khi hết nợ.

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả nợ cho vay. Theo hồ sơ thể hiện, bà L vay tiền nhằm bổ sung vốn sản xuất kinh doanh nhưng không có đăng ký kinh doanh nên không thuộc trường hợp tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự mà thuộc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] *Về thẩm quyền giải* quyết: Bà L có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về xét xử vắng mặt*: Bà L là bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi

xét xử sơ thẩm (25/02/2025) gồm lãi trong hạn là 112.183.341 đồng; lãi quá hạn là 46.671.781 đồng.

[2] Như vậy, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì nợ gốc không thay đổi, nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng cho vay nên không coi đây là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Xét thấy, bà L là bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, như vậy bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập để xem xét giải quyết.

[3.2] Theo Hợp đồng cho vay số 15540.22.551.17954904.TD ngày 25/5/2022, bà L có vay của Ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất 9,6%/năm; mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng. Hợp đồng này thực hiện tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội theo quy định tại các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[3.3] Thực hiện hợp đồng vay, bà L chưa trả gốc, tính tháng 3/2024, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc lãi. Như vậy, bà đã vi phạm Điều 8 của Hợp đồng. Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu bà trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/02/2025, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 26/02/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản bảo đảm*:

[4.1] Để đảm bảo khoản nợ vay, bà thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là thửa đất số 675, tờ bản đồ số 21, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà số CV 873335 ngày 21/8/2020.

[4.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17191.22.551.17954904.BĐ ngày 25/5/2022 được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số công chứng 1315, quyển số 01/2022TP/CC- SCC/HĐGD ngày 25/5/2022 theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nếu bà không trả nợ hoặc trả nợ không đúng và đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Điều 3 của Hợp đồng để thu hồi nợ.

[5] *Về phát biểu của Kiểm sát viên*: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Vì vậy, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.765.000đ *(Năm mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)*. (Tranh chấp từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức thu án phí là 36.000.000 đồng + 3% phần vượt 800.000.000 đồng)

[7] Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

[8] *Chi phí tố tụng*: Bà L phải chịu chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng nhưng Ngân hàng đã tạm ứng nên buộc bà L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401, 463, 465, 466, 468; 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả nợ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 25/02/2025 như sau:

- Nợ gốc là 1.300.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn là 112.183.341 đồng; lãi quá hạn là 46.671.781 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/02/2025) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến khi trả hết nợ.

4. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật

các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

5. Trường hợp bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có diện tích 547m^2 thửa đất số 675, tờ bản đồ số 21, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị L số CV 873335 ngày 21/8/2020 và được công chứng số 1315, quyển số 01/2022TP/CC- SCC/HĐGD ngày 25/5/2022 tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17191.22.551.17954904.BĐ.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.765.000đ *(Năm mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)*; Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.456.000đ *(Hai mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng số 0005070 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q chi phí tố tụng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H.Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trần Hiển